



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 1163 ngày 11/5/2011



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực Phẩm và Dịch Vụ Sài Gòn trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thực Phẩm và Dịch Vụ Sài Gòn được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước "Công ty Thực phẩm Sài Gòn" theo Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Giấy đăng ký kinh doanh số 4106000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 8 năm 2005.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006791 ngày 22 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh chuẩn y cho việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi đến lần thứ 6 cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010.

• **Vốn điều lệ** : 14.000.000.000 VND

• **Trụ sở hoạt động chính**

Địa chỉ : 216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 37 240 672
Fax : (84-8) 37 245 403
Mã số thuế : 0 3 0 0 4 0 5 9 5 2

• **Chi nhánh**

Địa chỉ : Số 46-48 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh

• **Ngành, nghề kinh doanh** : Mua bán và dịch vụ xuất nhập khẩu lương thực, thực phẩm. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà xưởng, kho, văn phòng và mặt bằng sân bãi (chức năng này không được thực hiện đối với mặt bằng, nhà đất thuộc nhà nước chuyển giao). Mua bán hàng kim khí điện máy, điện tử. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Chế biến thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất, mua bán rượu, bia, nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở). Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn hạng sao và không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Mua bán sắt thép, máy móc thiết bị ngành công nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Liêm

Chủ tịch

Ông Võ Văn Bôn

Thành viên

Ông Đỗ Trọng Hùng

Thành viên

Ông Đỗ Thành Duy

Thành viên

Ông Huỳnh Ngọc Định

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Thành Duy

Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Bôn

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 19).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.



ĐỖ THÀNH DUY - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Số: 0268/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2011, từ trang 6 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận liên quan đến một số công nợ phải thu, phải trả; các công nợ này chủ yếu phát sinh trong giai đoạn cổ phần hóa, đến nay vẫn chưa được xử lý cũng như chưa trích lập dự phòng, cụ thể:

- Các khoản công nợ phải thu với số tiền là 313.155.725 VND (xem Thuyết minh số VI.2, số VI.3 và số VI.4)
- Quỹ lương chi vượt là 2.136.429.231 VND (xem Thuyết minh số VI.4)
- Khoản công nợ phải trả với số tiền là 120.958.608 VND (xem Thuyết minh số VI.9 và số VI.13)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên (nếu có) đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, sổ sách kế toán của Công ty chưa thể hiện đủ số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với số tiền là 480.240.143 VND (xem Thuyết minh số VI.15).
- Khoản phải trả về cổ phần hóa Công ty đang trong giai đoạn chờ quyết toán với Cơ quan Quản lý với số tiền là 1.097.096.254 VND (xem Thuyết minh số VI.13).

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (tiếp theo)

Tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan, các vấn đề nêu trên có thể ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính đã đề cập.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2011



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0474/KTV

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.920.542.698	3.752.469.421
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		75.099.207	727.146.882
Tiền	111	VI.1	75.099.207	727.146.882
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		2.801.340.491	2.956.619.539
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.2	238.333.631	380.658.206
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	221.586.280	221.586.280
3. Các khoản phải thu khác	138	VI.4	2.341.420.580	2.354.375.053
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.103.000	68.703.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.5	-	30.400.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	44.103.000	38.303.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.252.419.885	7.693.822.581
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.252.419.885	7.692.889.099
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	6.891.780.566	7.332.249.780
<i>Nguyên giá</i>	222		12.367.392.057	12.625.490.768
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.475.611.491)	(5.293.240.988)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	360.639.319	360.639.319
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	933.482
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	933.482
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10.172.962.583	11.446.292.002

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

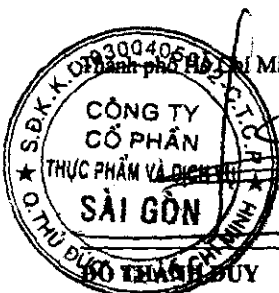
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.278.134.309	3.387.780.241
I. Nợ ngắn hạn	310		1.828.140.434	3.130.286.366
1. Phải trả người bán	312	VI.9	37.045.386	37.045.386
2. Người mua trả tiền trước	313	VI.10	5.713.280	600.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.11	490.344.568	1.252.174.526
4. Phải trả công nhân viên	315		83.258.333	31.200.000
5. Chi phí phải trả	316	VI.12	30.801.300	25.078.317
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.13	1.187.422.750	1.191.233.320
7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(6.445.183)	(6.445.183)
II. Nợ dài hạn	330		449.993.875	257.493.875
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.14	422.493.875	257.493.875
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		27.500.000	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.894.828.274	8.058.511.761
I. Nguồn vốn, quỹ	410	VI.15	7.894.828.274	8.058.511.761
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.519.759.857	13.519.759.857
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.360.393	4.281.776
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.416.371.553	1.416.371.553
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		352.263.882	352.263.882
5. Lỗ lũy kế	420		(7.609.987.406)	(7.448.225.302)
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		214.059.995	214.059.995
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		10.172.962.583	11.446.292.002

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)		2.372,77	2.360,77



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc

pm
 NGUYỄN THỊ MINH TRANG
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

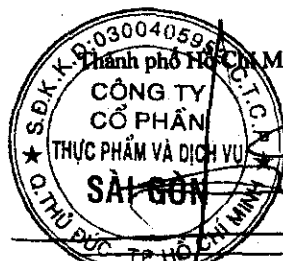
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

(Có so sánh số liệu năm 2009)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	2.707.769.092	2.079.905.563
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.707.769.092	2.079.905.563
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	1.062.375.673	215.918.364
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.645.393.419	1.863.987.199
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	37.301.073	24.342.461
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4	1.665.149.873	2.106.604.601
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.544.619	(218.274.941)
11. Thu nhập khác	31	VII.5	454.545	416.145.455
12. Chi phí khác	32	VII.6	18.820.337	1.610.196.759
13. Lỗ khác	40		(18.365.792)	(1.194.051.304)
14. Tổng lỗ trước thuế	50		(821.173)	(1.412.326.245)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế	60		(821.173)	(1.412.326.245)



ĐỖ THÀNH DUY
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ MINH TRANG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

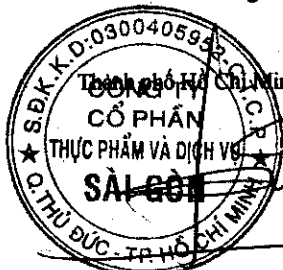
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.674.749.795	4.221.851.922
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.214.504.874)	(3.311.829.350)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(698.866.520)	(670.731.776)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(448.805.766)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(687.427.365)	239.290.796
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(154.157.382)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	416.145.455
- Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		33.019.297	24.342.461
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33.019.297	286.330.534
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(654.408.068)	525.621.330
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		727.146.882	197.243.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.360.393	4.281.776
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	75.099.207	727.146.882



ĐỖ THÀNH DUY
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ MINH TRANG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán và dịch vụ xuất nhập khẩu lương thực, thực phẩm; kinh doanh nhà ở; cho thuê nhà xưởng, kho, văn phòng và mặt bằng sân bãi (chức năng này không được thực hiện đối với mặt bằng, nhà đất thuộc nhà nước chuyển giao); mua bán hàng kim khí điện máy, điện tử. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Chế biến thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất, mua bán rượu, bia, nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở). Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn hạng sao và không kinh doanh nhà hàng khách sạn tại trụ sở). Mua bán sắt thép, máy móc thiết bị ngành công nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ tư của Công ty kể từ khi chuyển sang cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo ngày: 31/12/2009: 17.941 VND/USD

31/12/2010: 18.932 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn chứng từ.

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ dụng cụ văn phòng, chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong vòng 1 năm.

5. Tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 46
Máy móc thiết bị	4 - 12
Dụng cụ quản lý	3 - 10

6. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và phát hành hóa đơn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) Tiền mặt	6.438.196	16.801.358
Tiền mặt VND	6.438.196	16.801.358
(b) Tiền gửi ngân hàng	70.008.744	710.345.524
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	68.661.011	697.695.506
Tiền VND	23.739.729	655.340.931
Tiền USD quy đổi VND	44.921.282	42.354.575
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh 14	-	12.650.018
Tiền VND	-	12.650.018
Cộng	75.099.207	727.146.882

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ	130.000.000	130.000.000
Doanh nghiệp Tư nhân Tân Đoàn (*) (**)	18.000.000	18.000.000
Xưởng Sản xuất 72 Tháp Mười (*) (**)	75.242.870	75.242.870
Công ty TNHH Perfetti Van Melle Việt Nam	-	92.324.566
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Chế biến Hải Thiên	-	50.000.000
Khách hàng khác (*) (**)	15.090.761	15.090.770
Cộng	<u>238.333.631</u>	<u>380.658.206</u>
(*) Các công nợ chưa nhận được xác nhận	108.333.631	
(**) Các công nợ lâu, khó đòi chưa xử lý, chưa lập dự phòng	108.333.631	

3. Trả trước cho người bán

Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Deresco	184.311.400	184.311.400
Ông Nguyễn Văn Suốt (*) (**)	23.799.577	23.799.577
Ông Trà Chí Hữu (*) (**)	13.475.303	13.475.303
Cộng	<u>221.586.280</u>	<u>221.586.280</u>
(*) Các công nợ chưa nhận được xác nhận	37.274.880	
(**) Các công nợ lâu, khó đòi chưa xử lý, chưa lập dự phòng	37.274.880	

4. Các khoản phải thu khác

Vương Văn Lén (*) (**)	167.547.214	167.547.214
Trợ cấp thôi việc	24.205.999	47.979.750
Bảo hiểm xã hội	10.444.326	57
Quỹ lương chi vượt (**)	2.136.429.231	2.136.429.231
Phải thu khác	2.793.810	2.418.801
Cộng	<u>2.341.420.580</u>	<u>2.354.375.053</u>
(*) Công nợ chưa nhận được xác nhận	167.547.214	
(**) Các công nợ lâu, khó đòi chưa xử lý, chưa lập dự phòng	2.303.976.445	

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tiền thuê đất	-	665.848.360	665.848.360	-
Phí thuê đường thoát nước	30.400.000	-	30.400.000	-
Cộng	<u>30.400.000</u>	<u>665.848.360</u>	<u>696.248.360</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tạm ứng nhân viên</i>		
Bà Lê Thị Diệu Phú	44.103.000	38.303.000
Cộng	44.103.000	38.303.000

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	11.309.001.382	1.151.945.767	164.543.619	12.625.490.768
2. Tăng trong năm	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	140.333.092	117.765.619	258.098.711
4. Số cuối năm	11.309.001.382	1.011.612.675	46.778.000	12.367.392.057
II. Hao mòn lũy kế				
1. Số đầu năm	4.821.798.295	338.831.057	132.611.636	5.293.240.988
2. Tăng trong năm	396.527.313	9.090.000	16.031.563	421.648.876
3. Giảm trong năm	-	123.653.091	115.625.282	239.278.373
4. Số cuối năm	5.218.325.608	224.267.966	33.017.917	5.475.611.491
III. Giá trị còn lại				
1. Số đầu năm	6.487.203.087	813.114.710	31.931.983	7.332.249.780
4. Số cuối năm	6.090.675.774	787.344.709	13.760.083	6.891.780.566

Trong giá trị tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm một số nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tạm thời không sử dụng, đang chờ thanh lý với giá trị còn lại tương ứng là 1.828.036.189 VND (năm 2009: 2.227.873.508 VND) và 744.620.532 VND (năm 2009: 299.745.236 VND).

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình xây dựng Siêu thị Thực phẩm, chung cư cao tầng tại 153 Huỳnh Mẫn Đạt, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

	360.639.319	360.639.319
Cộng	360.639.319	360.639.319

Cho đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa xin được Giấy phép xây dựng công trình này.

9. Phải trả người bán

Trung tâm Kiến Trúc Miền Nam	5.330.386	5.330.386
Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật	8.470.000	8.470.000
Xưởng Sản xuất 72 Tháp Mười	6.622.600	6.622.600
Công ty khác	16.622.400	16.622.400
Cộng (*) (**)	37.045.386	37.045.386
(*) Toàn bộ công nợ chưa nhận được xác nhận		
(**) Các công nợ lâu, chưa xử lý	37.045.386	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

10. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Chế biến Hải Thiên	-	600.000.000
Công ty Perfetty Van Melle Việt Nam	5.713.280	-
Cộng	<u>5.713.280</u>	<u>600.000.000</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	74.489.557	404.146.572	464.301.540	14.334.589
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	548.805.766	-	448.805.766	100.000.000
3	Tiền thuế đất	622.592.300	665.848.360	1.270.055.065	18.385.595
4	Các loại thuế khác	6.286.903	31.280.829	19.192.403	18.375.329
	- Thuế thu nhập cá nhân	6.286.903	27.280.829	15.192.403	18.375.329
	- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
	Các khoản phải nộp khác	-	339.249.055	-	339.249.055
	Các khoản khác	-	339.249.055	-	339.249.055
	Cộng	<u>1.252.174.526</u>	<u>1.440.524.816</u>	<u>2.202.354.774</u>	<u>490.344.568</u>

Thuế giá trị gia tăng

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng : 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VII.7

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

12. Chi phí phải trả

Phí kiểm toán	14.000.000	14.000.000
Chi phí thuê xe	10.000.000	10.000.000
Chi phí khác	6.801.300	1.078.317
Cộng	<u>30.801.300</u>	<u>25.078.317</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	6.004.844
Phải trả về cổ phần hóa Công ty Cổ phần Dịch vụ Sản xuất Xuất nhập khẩu Bình Tây (*) (**)	1.097.096.254	1.097.096.254
Ngô Dịch Oai (*) (**)	73.913.222	73.913.222
Võ Văn Bốn (*) (**)	10.000.000	10.000.000
Các khoản phải trả khác	2.400.000	2.400.000
Cộng	4.013.274	1.819.000
(*) Các ông nợ chưa nhận được xác nhận	1.187.422.750	1.191.233.320
(**) Các công nợ lâu, chưa xử lý	83.913.222	

14. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn tại thời điểm cuối năm:

Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ và Chế biến Hải Thiên	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Vận tải và xếp dỡ Lâm Gia	200.000.000	200.000.000
Công ty Perfetty Van Melle VN	165.000.000	-
Công ty khác	7.493.875	7.493.875
Cộng	422.493.875	257.493.875

15. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.519.759.857	-	-	(*) 13.519.759.857
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.281.776	2.360.393	(4.281.776)	2.360.393
Quỹ đầu tư phát triển	1.416.371.553	-	-	1.416.371.553
Quỹ dự phòng tài chính	352.263.882	-	-	352.263.882
Lỗ lũy kế	(7.448.225.302)	-	(161.762.104) (**)	(7.609.987.406)
Nguồn vốn xây dựng cơ bản	214.059.995	-	-	214.059.995
Cộng	8.058.511.761	2.360.393	(166.043.880)	7.894.828.274

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên cổ đông	Vốn điều lệ phải góp		Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2010	Vốn còn phải góp
	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)		
Ông Võ Văn Bôn (Đại diện vốn Nhà nước)	5.600.000.000	40,00	5.119.759.857	480.240.143
Ông Vy Hoàng Giang	1.260.000.000	9,00	1.260.000.000	-
Công ty Cổ phần Nam Long	2.136.600.000	15,26	2.136.600.000	-
Ông Đỗ Thành Duy	3.082.400.000	22,02	3.082.400.000	-
Ông Nguyễn Văn Liêm	1.400.000.000	10,00	1.400.000.000	-
Các cổ đông khác	521.000.000	3,72	521.000.000	-
Cộng	14.000.000.000	100,00	13.519.759.857	480.240.143

(**) Chi tiết khoản lỗ lũy kế tăng trong năm như sau:

Lỗ năm nay	(821.173)	-
Điều chỉnh thuế GTGT năm 2007	(160.940.931)	-
Cộng	(161.762.104)	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ:		
- Doanh thu cho thuê kho	954.905.563	954.905.563
- Doanh thu hợp tác kinh doanh	1.752.863.529	1.125.000.000
Cộng	2.707.769.092	2.079.905.563

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.062.375.673	215.918.364
Cộng	1.062.375.673	215.918.364

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	33.019.297	24.342.461
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.281.776	-
Cộng	37.301.073	24.342.461

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	818.791.473	775.025.544
Chi phí vật liệu quản lý	-	110.668.028
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.911.818	41.680.014
Chi phí khấu hao	25.121.564	132.905.499
Thuế, phí và lệ phí	343.249.055	668.821.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	421.395.872	292.455.373
Chi phí quản lý bằng tiền khác	45.680.091	85.048.432
Cộng	<u>1.665.149.873</u>	<u>2.106.604.601</u>

5. Thu nhập khác

Thu thanh lý, nhượng bán tài sản	-	416.145.455
Thu khác	454.545	-
Cộng	<u>454.545</u>	<u>416.145.455</u>

6. Chi phí khác

GTCL của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	18.820.337	1.610.196.759
Cộng	<u>18.820.337</u>	<u>416.145.455</u>

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng lỗ kế toán trước thuế	(821.173)	(1.412.326.245)
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</i>	<i>519.949.055</i>	<i>-</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>519.949.055</i>	<i>-</i>
<i>Trừ: Chuyển lỗ của các năm trước</i>	<i>(519.127.882)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	-	(1.412.326.245)
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được.

Năm 2010, Công ty thực hiện chuyển một phần lỗ của của năm 2007 sang nên không phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thu nhập của Ban Tổng giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	<u>277.000.000</u>	<u>252.500.000</u>

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính của Công ty

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>ĐVT</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	28,71	32,78
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	71,29	67,22
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	22,39	29,60
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	77,61	70,40
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,47	3,38
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,60	1,20
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,60	1,20

3. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2011



BỘ THANH DUY
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ MINH TRANG
Kế toán trưởng